

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục 04 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và danh mục 11 thành phần hồ sơ phải số hoá trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực tài chính y tế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế tỉnh Tuyên Quang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Điều 2 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

Căn cứ Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hoá hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Quyết định số 160/QĐ-BYT ngày 10/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Tài chính y tế tại Nghị định số 02/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ và Thông tư số 01/2025/TT-BYT ngày 01 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và danh mục thành phần hồ sơ phải số hoá trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực tài chính y tế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế tỉnh Tuyên Quang. Cụ thể:

1. Danh mục 04 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung (*có Phụ lục I kèm theo*).
2. Danh mục 11 thành phần hồ sơ phải số hoá của 03 thủ tục hành chính theo quy định tại Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ (*có Phụ lục II kèm theo*).

Điều 2. Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cụ thể sau:

1. Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan:
 - 1.1. Cập nhật, công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính, Cổng thông tin điện tử tỉnh, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh, Trang thông tin điện tử của Sở, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh đối với Danh mục, nội dung cụ thể của thủ tục hành chính nêu tại Điều 1 Quyết định này theo quy định tại Điều 15 Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ. **Thời gian hoàn thành trong 02 ngày làm việc kể từ ngày ban hành Quyết định.**
 - 1.2. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hồ sơ công bố quy trình giải quyết thủ tục hành chính. **Thời gian hoàn thành trong 07 ngày làm việc kể từ ngày ban hành Quyết định.**
 - 1.3. Thực hiện số hóa thành phần hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính; tái sử dụng thông tin, dữ liệu thủ tục hành chính khi tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo quy định.

2. Sở Thông tin và Truyền thông:

Đảm bảo về kỹ thuật trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh và chỉ đạo Viễn thông Tuyên Quang cử cán bộ kỹ thuật thường xuyên hỗ trợ các cơ quan, đơn vị trong quá trình triển khai, thực hiện nhiệm vụ được giao tại Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ thủ tục hành chính trong lĩnh vực tài chính y tế đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố tại các Quyết định trước đây theo quy định.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở; Thủ trưởng Ban, ngành; Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC); (báo cáo)
- Bộ Y tế; (báo cáo)
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 4; (thực hiện)
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Công an tỉnh;
- UBND huyện, thành phố;
- Bưu điện tỉnh;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Viễn thông Tuyên Quang;
- Công TTĐT tỉnh; Công báo tỉnh (đăng tải)
- Phòng THVX-VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, THCBKS_{Mai}.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hoàng Việt Phương

PHỤ LỤC I
DANH MỤC 04 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
TRONG LĨNH VỰC TÀI CHÍNH Y TẾ THUỘC PHẠM VI
CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ Y TẾ TỈNH TUYÊN QUANG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 152/QĐ-UBND ngày 20 tháng 02 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

S T T	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện	
						Trực tiếp	DV BCCI
1	Khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế (mã THC: 2.001265)	Giải quyết ngay sau khi xuất trình hồ sơ	Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế	Phí theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc Bộ Y tế và các Bộ khác về giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc danh mục do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán, giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh do ngân sách nhà nước thanh toán, giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc danh mục do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán mà không phải là dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định; Theo quy định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn quản lý thuộc phạm vi được phân quyền quy định giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh.	- Luật Bảo hiểm y tế ngày 14/11/2008 và Luật số 46/2014/QH13 ngày 13/6/2014 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế; Luật số 51/2024/QH15 ngày 27/11/2024 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế; - Luật khám bệnh, chữa bệnh ngày 09/01/2023; - Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế; - Nghị định số 75/2023/NĐ-CP ngày 19/10/2023 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 02/2025/NĐ-CP ngày 01/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính	x	

S T T	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện	
						Trực tiếp	DV BCCI
					phủ, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 75/2023/NĐ-CP ngày 19/10/2023 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2025/TT-BYT ngày 01/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế.		
2	Ký hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế lần đầu (mã THC: 1.003048)	Trong thời hạn 21 ngày ¹ , kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (theo ngày ghi trên dấu công văn đến).	Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện tại cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh, huyện	Không	- Luật Bảo hiểm y tế ngày 14/11/2008 và Luật số 46/2014/QH13 ngày 13/6/2014 của Quốc hội; Luật số 51/2024/QH15 ngày 27/11/2024 của Quốc hội; - Luật khám bệnh, chữa bệnh ngày 09/01/2023; - Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ; Nghị định số 75/2023/NĐ-CP ngày 19/10/2023 của Chính phủ; Nghị định số 02/2025/NĐ-CP ngày 01/01/2025 của Chính phủ; - Quyết định số 1895/1997/QĐ-BYT ngày 19/9/1997 của Bộ Y tế ban hành quy chế bệnh viện; Thông tư số 18/2024/TT-BYT ngày 01/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế bãi bỏ một số nội dung trong Quyết định số 1895/1997/QĐ-BYT.	x	x

¹ Cắt giảm 30% thời gian giải quyết từ 30 ngày còn 21 ngày.

S T T	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện	
						Trực tiếp	DV BCCI
3	Ký hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế hàng năm (mã THC: 2.001252)	Trong thời hạn 21 ngày ² , kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (theo ngày ghi trên dấu công văn đến)	Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện tại cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh, huyện	Không	- Luật Bảo hiểm y tế ngày 14/11/2008 và Luật số 46/2014/QH13 ngày 13/6/2014 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế; Luật số 51/2024/QH15 ngày 27/11/2024 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế; - Luật khám bệnh, chữa bệnh ngày 09/01/2023; - Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ; Nghị định số 75/2023/NĐ-CP ngày 19/10/2023 của Chính phủ; Nghị định số 02/2025/NĐ-CP ngày 01/01/2025 của Chính phủ; - Quyết định số 1895/1997/QĐ-BYT ngày 19/9/1997 của Bộ Y tế về việc ban hành quy chế bệnh viện; - Thông tư số 18/2024/TT-BYT ngày 01/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế bãi bỏ một số nội dung trong Quyết định số 1895/1997/QĐ-BYT ngày 19/9/1997 của Bộ Y tế về việc ban hành quy chế bệnh viện.	x	x

² Cắt giảm 30% thời gian giải quyết từ 30 ngày còn 21 ngày.

S T T	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện	
						Trực tiếp	DV BCCI
4	Ký hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế đối với Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt bổ sung chức năng, nhiệm vụ, phạm vi chuyên môn, cấp chuyên môn kỹ thuật trong việc thực hiện khám bệnh, chữa bệnh (mã THC: 1.003034)	Trong thời hạn 07 ngày ³ , kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (theo ngày ghi trên dấu công văn đến).	Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện tại cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh, huyện	Không	- Luật Bảo hiểm y tế ngày 14/11/2008 và Luật số 46/2014/QH13 ngày 13/6/2014 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế; Luật số 51/2024/QH15 ngày 27/11/2024 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế; - Luật khám bệnh, chữa bệnh ngày 09/01/2023; - Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ; Nghị định số 75/2023/NĐ-CP ngày 19/10/2023 của Chính phủ; Nghị định số 02/2025/NĐ-CP ngày 01/01/2025 của Chính phủ; - Quyết định số 1895/1997/QĐ-BYT ngày 19/9/1997 của Bộ Y tế về việc ban hành quy chế bệnh viện; - Thông tư số 18/2024/TT-BYT ngày 01/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế bãi bỏ một số nội dung trong Quyết định số 1895/1997/QĐ-BYT ngày 19/9/1997 của Bộ Y tế về việc ban hành quy chế bệnh viện.	x	x

³ Cắt giảm 30% thời gian giải quyết từ 10 ngày còn 07 ngày.

PHỤ LỤC II
DANH MỤC 11 THÀNH PHẦN HỒ SƠ PHẢI SỐ HOÁ THEO QUY ĐỊNH
TẠI THÔNG TƯ SỐ 01/2023/TT-VPCP CỦA 03 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
LĨNH VỰC ĐƯỢC PHẠM THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
CỦA SỞ Y TẾ TỈNH TUYÊN QUANG

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 152/QĐ-UBND ngày 20 tháng 02 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)*

STT	Tên thủ tục hành chính/ Thành phần hồ Sơ
*	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (03 thủ tục; 11 thành phần hồ sơ phải số hoá)
Thủ tục 01	<i>Ký hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế lần đầu</i>
1	Công văn đề nghị ký hợp đồng của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh
2	Bản sao giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp cho cơ sở khám bệnh, chữa bệnh
3	Bản chụp quyết định xếp cấp hoặc tạm xếp cấp chuyên môn kỹ thuật cho cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của cơ quan có thẩm quyền; đối với trường hợp quy định tại điểm đ và điểm h khoản 4 Điều 22 của Luật Bảo hiểm y tế và điểm c khoản 5 Điều 14 của Nghị định số 146/2018/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 1 của Nghị định số 02/2025/NĐ-CP còn phải có bản chụp văn bản của cơ quan có thẩm quyền xác định cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đã được xếp tuyến chuyên môn kỹ thuật trước ngày 01 tháng 01 năm 2025. Các văn bản này phải có đóng dấu của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh
4	Danh mục dịch vụ kỹ thuật y tế, danh mục thuốc, hóa chất, vật tư y tế được cấp có thẩm quyền phê duyệt
Thủ tục 02	<i>Ký hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế hằng năm</i>
1	Công văn đề nghị ký hợp đồng của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh
2	Bản sao giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp cho cơ sở khám bệnh, chữa bệnh
3	Bản chụp quyết định xếp cấp hoặc tạm xếp cấp chuyên môn kỹ thuật cho cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của cơ quan có thẩm quyền; đối với trường hợp quy định tại điểm đ và điểm h khoản 4 Điều 22 của Luật Bảo hiểm y tế và điểm c khoản 5 Điều 14 của Nghị định số 146/2018/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 1 của Nghị định số 02/2025/NĐ-CP còn phải có bản chụp văn bản của cơ quan có thẩm quyền xác định cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đã được xếp tuyến chuyên môn kỹ thuật trước ngày 01 tháng 01 năm 2025. Các văn bản này phải có đóng dấu của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh

STT	Tên thủ tục hành chính/ Thành phần hồ Sơ
4	Danh mục dịch vụ kỹ thuật y tế, danh mục thuốc, hóa chất, vật tư y tế được cấp có thẩm quyền phê duyệt
Thủ tục 03	<i>Ký hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế đối với cơ sở khám chữa bệnh bảo hiểm y tế được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt bổ sung chức năng, nhiệm vụ, phạm vi chuyên môn, cấp chuyên môn kỹ thuật trong việc thực hiện khám bệnh, chữa bệnh</i>
1	Quyết định phê duyệt bổ sung chức năng, nhiệm vụ, phạm vi chuyên môn
2	Bản chụp quyết định xếp cấp hoặc tạm xếp cấp chuyên môn kỹ thuật cho cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của cơ quan có thẩm quyền, đối với trường hợp quy định tại điểm đ và điểm h khoản 4 Điều 22 của Luật Bảo hiểm y tế và điểm c khoản 5 Điều 14 của Nghị định số 146/2018/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 1 của Nghị định số 75/2023/NĐ-CP và khoản 1 Điều 1 của Nghị định số 02/2025/NĐ-CP)
3	Văn bản của cơ quan có thẩm quyền xác định cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đã được xếp tuyến chuyên môn kỹ thuật trước ngày 01 tháng 01 năm 2025 (Các văn bản này phải có đóng dấu của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh)